TOÀ ÁN NHÂN DÂN **QUẬN K** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 45/2019/HNGĐ-ST
Ngày 16-4-2019
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN K, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Trần Thị Vân T

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Công B;

Bà Bùi Thùy L.

-Thư ký phiên toà: Ông Phùng Thế T -Thư ký Toà án nhân dân quận K, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận K, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Đặng Văn Đoàn - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân quận K, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 186/2018/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 9 năm 2018 về tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 868/2018/QĐXX-ST ngày 12 tháng 10 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 985/2018/QĐST-HNGĐ ngày 01 tháng 11 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Đỗ Thị D; địa chỉ: Tổ Tr1, phường Q, quận K, thành phố Hải Phòng; tạm trú: Số 35/10 tổ 14 phường Lãm Hà, quận K, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Phạm Thế A; địa chỉ: Tổ T 1, phường Q, quận K, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong Đơn khởi kiện về việc xin ly hôn ghi ngày 31-8-2018, các Bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên toà sơ thẩm, nguyên đơn là chị Đỗ Thị D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân, chị kết hôn với anh Phạm Thế A trên cơ sở được tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Dư, huyện A(nay là phường D, quận L), thành phố Hải Phòng vào ngày 29-01-2002. Vợ chồng chung sống được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do quan điểm sống

của hai người không hợp nhau, anh Phạm Thế A nghiện ma túy làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến tình cảm vợ chồng và kinh tế gia đình. Hai bên gia đình và người thân đã động viên khuyên giải nhiều nhưng không có kết quả. Mâu thuẫn ngày càng căng thẳng, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2014 đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay chị Đỗ Thị D xác định tình cảm vợ chồng không còn, không có khả năng hàn gắn, đoàn tụ nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Phạm Thế A.

Về con chung: Anh chị có hai con chung tên là Phạm Anh M, sinh ngày 18-11-2002 và Phạm Như N, sinh ngày 22-02-2007. Khi ly hôn chị Đỗ Thị D đề nghị Tòa án giao con là Phạm Như N cho chị nuôi dưỡng vì cháu là con gái, còn nhỏ cần sự chăm sóc của người mẹ hơn; đề nghị giao con là Phạm Anh M cho anh Phạm Thế A nuôi dưỡng vì cháu Minh là con trai, hiện vẫn đang ở cùng với anh Phạm Thế A. Việc cấp dưỡng nuôi con chung, chị Đỗ Thị D không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và công nợ, chị Đỗ Thị D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn là anh Phạm Thế A:

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng bao gồm: Thông báo về việc thụ lý vụ án; Giấy triệu tập; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo về việc đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Biên bản đã tiếp cận công khai chứng cứ cho anh Phạm Thế A nhưng anh Phạm Thế A không có ý kiến, không cung cấp lời khai, quan điểm, ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của chị Đỗ Thị D.

Tại phiên toà:

- Chị Đỗ Thị D vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị được ly hôn với anh Phạm Thế A và đề nghị Tòa án giao con chung là Phạm Như N cho chị nuôi dưỡng và giao con chung là Phạm Anh M cho anh Phạm Thế A nuôi dưỡng đến khi các con đủ 18 tuổi. Việc cấp dưỡng nuôi con chung, tài sản chung và công nợ, chị Đỗ Thị D không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Anh Phạm Thế A đã được tống đạt hợp lệ Quyết định xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do.

- Quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa về việc tuân theo pháp luật tố tụng và ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn: Tòa án nhân dân quận Kđã xác định đúng quan hệ pháp luật có tranh chấp, thẩm quyền, thời hạn giải quyết vụ án, tư cách đương sự, mối quan hệ giữa những người tham gia tố tụng; việc xác minh, thu thập chứng cứ, cấp, tống đạt, thông bảo văn bản tố tụng, tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải đều được thực hiện đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a

khoản 1 Điều 39, Điều 68, Điều 97, Điều 173, Điều 203, Điều 208, Điều 209, Điều 210 và Điều 211 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng được quy định tại Điều 70 và Điều 71 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng quy định tại các điều 70, 72 và 199 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đề xuất việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 51,56, 57, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, xử: Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Đỗ Thị D được ly hôn anh Phạm Thế A. Về con chung: Đề nghị giao con là Phạm Như N, sinh ngày 22-02-2007 cho chị Đỗ Thị D nuôi dưỡng; giao con là Phạm Anh M, sinh ngày 18-11-2002 cho anh Phạm Thế A nuôi dưỡng đến khi các con đủ 18 tuổi. Việc cấp dưỡng nuôi con chung, tài sản chung và công nợ, chị Đỗ Thị D và anh Phạm Thế A đều không đề nghị giải quyết nên không xem xét.

Về án phí: Chị Đỗ Thị D phải nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên toà, Tòa án nhân dân quận K, thành phố Hải Phòng nhận định:

- Về tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật có tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Đỗ Thị D có đơn khởi kiện về việc xin ly hôn với anh Phạm Thế A và đề nghị giải quyết việc nuôi con khi ly hôn. Đây là tranh chấp về việc ly hôn, nuôi con khi ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh Phạm Thế A là bị đơn trong vụ án và cư trú tại Tổ T1, phường Q, quận K, thành phố Hải Phòng nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận K theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thời hạn giải quyết vụ án: Tòa án nhân dân quận Kthụ lý vụ án ngày 05-9-2018 và có quyết định đưa vụ án ra xét xử ngày 12-10-2018 là đảm bảo về thời hạn chuẩn bị xét xử vụ án theo quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về thủ tục giải quyết vụ án: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án nhân dân quận Kđã tống đạt hợp lệ cho anh Phạm Thế A các văn bản tố tụng nhưng anh Phạm Thế A không cung cấp lời khai, quan điểm, ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của chị Đỗ Thị D và vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Vì vậy Tòa án căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt anh Phạm Thế A và công bố các tài liệu chứng cứ do Tòa án xác minh thu thập trong quá trình giải quyết vụ án.

- Về nội dung:

[4] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của chị Đỗ Thị D tại phiên tòa đều thể hiện: Chị Đỗ Thị D kết hôn với anh Phạm Thế A trên cơ sở được tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBNB xã D, huyện A (nay là UBND phường D, quận L), thành phố Hải Phòng vào ngày 29-01-2002, đây là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại khoản 1 Điều 8 và khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình. Quá trình chung sống, chị Đỗ Thị D và anh Phạm Thế A phát sinh mâu thuẫn từ năm 2014, nguyên nhân do quan điểm lối sống của hai người không hợp nhau, thiếu tôn trọng nhau, anh Phạm Thế A nghiện ma túy một thời gian dài mặc dù chị và gia đình hai bên đã nhiều lần khuyên giải nhưng anh Phạm Thế A không cai nghiện ma túy được làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến tình cảm, kinh tế gia đình. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2014 đến nay, mỗi người ở một nơi, không còn quan hệ về tình cảm và kinh tế. Đến nay chị Đỗ Thị D xác định tình cảm vợ chồng không còn khả năng đoàn tụ nên đề nghị Tòa án giải quyết chio chị được ly hôn với anh Phạm Thế A.

Tại Biên bản xác minh thu thập chứng cứ của Tòa án tại chính quyền địa phương nơi chị Đỗ Thị D và anh Phạm Thế A cư trú và ý kiến trình bày của đại diện hai bên gia đình đã cung cấp thông tin về việc anh Phạm Thế A có đăng ký hộ khẩu thường trú và thường xuyên ăn ở sinh hoạt tại tổ Tr1, phường Q, quận K, thành phố Hải Phòng; anh Phạm Thế A nghiện ma túy nhiều năm nay và thuộc đối tượng theo dõi, quản lý của chính quyền địa phương. Ngoài ra, nội dung các biên bản xác minh thu thập chứng cứ cũng thể hiện: Mâu thuẫn giữa vợ chồng chị Đỗ Thị D và anh Phạm Thế A đã rất căng thẳng, trầm trọng, anh chị sống ly thân từ năm 2014 đến nay, không có khả năng hàn gắn, đoàn tụ, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị ly hôn theo quy định của pháp luật để hai bên ổn định cuộc sống.

Xét mục đích của hôn nhân là nhằm xây dựng gia đình mà ở đó vợ chồng phải biết yêu thương, tôn trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau, tạo điều kiện cho nhau phát triển về mọi mặt; phải được xây dựng trên nền tảng tình cảm, sự nỗ lực từ hai phía của cả vợ và chồng. Trên thực tế quan hệ hôn nhân giữa chị Đỗ Thị D và anh Phạm Thế A đã lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Vì vậy, cần áp dụng khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Đỗ Thị D, cho chị Đỗ Thị D được ly hôn anh Phạm Thế A.

[5] Về con chung và vấn đề cấp dưỡng con chung: Chị Đỗ Thị D và anh Phạm Thế A có hai con chung là Phạm Anh M, sinh ngày 18-11-2002 và Phạm Như N, sinh ngày 22-02-2007.

Chị Đỗ Thị D đề nghị Tòa án giao con là Phạm Như N, sinh ngày 22-02-2007 cho chị nuôi dưỡng vì cháu là con gái, còn nhỏ; đề nghị giao con là Phạm Anh M, sinh ngày 18-11-2002 cho anh Phạm Thế A nuôi dưỡng . Việc cấp dưỡng nuôi con chung chị Đỗ Thị D không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại Đơn đề nghị ghi ngày 18-9-2018, cháu Phạm Anh M trình bày nguyện vọng muốn được ở với bố là anh Phạm Thế A; cháu Phạm Như N trình bày nguyện vọng muốn được ở với mẹ là chị Đỗ Thị D.

Tại Biên bản ghi lời trình bày của đại diện gia đình, ông Phạm Quang Diễm là bố đẻ anh Phạm Thế A đề nghị Tòa án giao cả hai con chung của anh chị cho anh Phạm Thế A nuôi dưỡng; bà Phạm Thị Nền là mẹ đẻ chị Đỗ Thị D đề nghị giao cho anh chị mỗi người nuôi một con để đôi bên cùng có trách nhiệm nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Xét thấy yêu cầu về việc nuôi con của chị Đỗ Thị D là hoàn toàn tự nguyện, có cơ sở, phù hợp với thực tế và phù hợp với nguyện vọng của các con chung và để đảm bảo lợi ích, tâm lý và sự phát triển về mọi mặt khác của con chung nên cần áp dụng Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình giao cháu Phạm Như N, sinh ngày 22-02-2007 cho chị Đỗ Thị D trực tiếp nuôi dưỡng; giao cháu Phạm Anh M, sinh ngày 18-11-2002 cho anh Phạm Thế A trực tiếp nuôi dưỡng đến khi các con đủ 18 tuổi, trừ khi có sự thay đổi khác của pháp luật. Việc cấp dưỡng nuôi con chung chị Đỗ Thị D không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[6] Về tài sản chung và công nợ: Chị Đỗ Thị D và anh Phạm Thế A đều không đề nghị giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét giải quyết.

[7] Về án phí: Chị Đỗ Thị D phải nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

[8] Về quyền kháng cáo: Chị Đỗ Thị D và anh Phạm Thế A được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[9] Như vậy ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Ktại phiên tòa về việc giải quyết vụ án là có cơ sở, hoàn toàn phù hợp với các quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 8, khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Đỗ Thị D và anh Phạm Thế A.

2. Về việc nuôi con chung: Giao con là Phạm Như N, sinh ngày 22-02-2007 cho chị Đỗ Thị D trực tiếp nuôi dưỡng; giao con là Phạm Anh M, sinh ngày 18-11-2002 cho anh Phạm Thế A trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi, trừ khi có

sự thay đổi khác của pháp luật. Việc cấp dưỡng nuôi con chung, chị Đỗ Thị D không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không đặt vấn đề xem xét giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không được ai cản trở.

3. Về tài sản chung và công nợ: Chị Đỗ Thị D và anh Phạm Thế A đều không đề nghị giải quyết nên Tòa án không đặt vấn đề xem xét.

4. Về án phí: Chị Đỗ Thị D phải nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn sơ thẩm và được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0010219 ngày 05-9-2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận K, thành phố Hải Phòng; chị Đỗ Thị D đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Đỗ Thị D được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; anh Phạm Thế A được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết .

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TANDTP Hải Phòng;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- VKSND quận K;
- Chi cục THADS quận K;
- UBND phường D, quận L, Hải Phòng;
- Đương sự;
- Lưu: HCTP; hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Vân T

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Vân T